Tên: ……..

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ …., ngày …./….

Từ vựng & Ngữ pháp: ……

Nghe: ……

Mini test: ……

GLOBAL ENGLISH 3

Unit 3+4 - Supplementary Vocabulary + Revision

A. VOCABULARY

❖ **Desert**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**temperature** (n)	nhiệt độ	5	**sharp** (adj)	nhọn, sắc
2	**spine** (n)	gai (của xương rồng)	6	**minus** (adj)	âm (chỉ nhiệt độ dưới 0)
3	**sandy** (adj)	đầy cát, có cát	7	**oasis** (n)	ốc đảo
4	**waxy** (adj)	có lớp sáp, bóng như sáp			

❖ **Animals in the deserts**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**eyelashes** (n)	lông mi	3	**hop** (v)	nhảy lò cò
2	**store** (v)	tích trữ, dự trữ	4	**round** (adj)	tròn

❖ **Illusions and shapes**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**optical illusion** (n)	ảo ảnh thị giác	4	**back-to-back** (adv)	liên tiếp
2	**straight** (adj)	thẳng	5	**twirl** (v)	xoay tròn, quay tròn
3	**corner** (n)	góc			

❖ **Animal camouflage**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**pinto** (adj)	(ngựa) đốm màu nâu và trắng	3	**pattern** (n)	hoa văn, họa tiết
2	**blotch** (n)	vết đốm, vệt màu	4	**stripes** (n)	sọc, vằn

❖ **Extra vocabulary**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**blow** (v)	thổi	3	**newspaper** (n)	tờ báo, báo chí
2	**line** (n)	hàng	4	**computer game** (n)	trò chơi trên máy tính

**Note:* *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; adv = adverb: trạng từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

B. HOMEWORK

I. Read and complete the words. *(Đọc và hoàn thành từ.)*

*0. He used a pencil and a ruler to draw a **s t r a i g h t** line.*

1. We have two English lessons **b** …… …… …… **- t** …… **- b** …… …… ……

2. **T** …… …… …… …… the pencil between your hands to make it move.

3. There is a small table in the **c** …… …… …… …… …… of my room.

4. The picture looks like it's moving, but it's just an **o** …… …… …… …… …… ……

i …… …… …… …… …… …… ……

5. There's a blue **b** …… …… …… …… …… on my T-shirt after painting.

LIVEWORKSHEETS

II. Read and choose the correct answers. *(Đọc và chọn đáp án đúng.)*

Exploring the Desert and Its Animals

The desert is a very special place on Earth. During the day, the temperature is very high, but at night, it can be very cold. The ground is dry and sandy, and there is almost no rain.

Some plants can live well in this hot and dry weather. The cactus is one of them. It has spines instead of leaves to keep animals away and help it save water. Its skin is thick and **waxy**, so the water inside cannot escape. Sometimes, in the middle of the desert, there is an oasis where people and animals can rest and find water.

Camels are the most famous desert animals. They can store water and food in their bodies and walk for many days without drinking. Their long eyelashes protect their eyes from the sand when the wind blows strongly.

Some animals in the desert have patterns, stripes, or blotches on their skin. These colors help them hide from other animals. Others, like the fennec fox, have sharp ears to hear tiny sounds at night. Every plant and animal in the desert has a special way to live in this hot and dry home.

0. What is the temperature in the desert like during the day?

A. Very cold

(B.) Very hot

C. Always the same

1. What helps a cactus save water?

A. Its flowers

B. Its spines

C. Its roots

2. What does "waxy" mean?

A. Having a smooth surface like wax

B. Having a strong smell

C. Having many colors

3. What can you find in an oasis?

A. Snow

B. Rocks

C. Water

4. What protects a camel's eyes from the sand?

A. Eyelashes

B. Patterns

C. Spines

5. Why do some animals have stripes or blotches?

A. To hide from other animals

B. To look beautiful

C. To keep warm

III. Add the correct prefix: "un-" or "im-" to complete the sentences.
(Thêm tiền tố: "un-" hoặc "im-" vào trước từ để hoàn thành câu.)

*0. She looks **unhappy** because her cat is sick.*

1. He is .....**patient** when he has to wait in a long line.
2. My room is .....**tidy** after the party.
3. My drawing is .....**finished**. I still need to color it.
4. It is .....**polite** to talk when the teacher is speaking.
5. The table is .....**balanced** because one leg is short.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link và code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-6-test-1-part-2

Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.

RICHARD'S FAMILY



	Oldest person:	grandmother
1	Name:	B
2	Age:	
3	Lives with:	her b
4	Job:	p
5	Favourite hobby:	computer g

LIVEWORKSHEETS